

Bản án số: 159/2024/DS-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đức.
2. Ông Sỹ Danh Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Lê – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Ngọc Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024, Quyết Đ hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024, Quyết Đ hoãn phiên tòa số 48/2024/QĐST – DS ngày 30/8/2024. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 198, Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Lê Văn Tàn – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Văn Hiền – Chuyên viên chính xử lý nợ - Khối xử lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 26/2024/UQ-SeABank ngày 02/5/2024. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Danh B, sinh năm 1984 và chị Hoàng Thị Đ, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: TDP Hoa Vôi, thị trấn Q, huyện Q, Thành phố Hà Nội. Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng anh Vũ Danh B và chị Hoàng Thị Đ vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đại An, PGD Mỹ Đình (sau đây gọi tắt là SeABank) số tiền 3.400.000.000đ (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) theo Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF2115500179/HN7-VDB ngày 18/6/2021 (sau đây viết tắt là Hợp đồng tín dụng) với thời hạn vay tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân (18/6/2021) đến ngày 18/6/2028; Mục đích sử dụng tiền vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ đi lại.

Ngoài khoản vay trên, SeABank còn chấp thuận cấp cho anh B – chị Đ một thẻ tín dụng với hạn mức 5.000.000đ theo Đơn đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 01/6/2021 (sau đây gọi tắt là Thẻ tín dụng).

Theo Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF2115500179/HN7-VDB ngày 18/6/2021, anh B – chị Đ đồng ý thế chấp tài sản là: Xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES-BENZ biển kiểm soát: 30H-101.44, số loại S450, màu sơn trắng; số khung RLMUG6X3LV003213, số máy: 27682431121416. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29094900 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 18/6/2021 mang tên anh Vũ Danh B.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh B – chị Đ đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình. SeABank đã thông báo cho anh B – chị Đ biết việc thu hồi nợ trước hạn, bàn giao tài sản và khởi kiện. Tại Đơn khởi kiện ngày 02/5/2024, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc vợ chồng anh B - chị Đ phải trả cho SeABank số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng nói trên, tạm tính đến ngày 28/3/2024 là: 4.477.087.591 đồng trong đó:

+ Nợ theo Hợp đồng tín dụng: Nợ gốc 3.278.569.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 827.672.110 đồng; Nợ lãi quá hạn 360.621.167 đồng.

+ Nợ theo thẻ tín dụng: Nợ gốc 5.000.000đ; Nợ lãi trong hạn 21.622đ; Nợ lãi quá hạn 5.203.692đ.

- Buộc anh B – chị Đ phải tiếp tục trả tiền lãi, phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF2115500179/HN7-VDB ngày 18/6/2021 và Đơn đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 01/6/2021, từ ngày 29/3/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp anh B – chị Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì SeABank được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại, bán/chuyển nhượng tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho SeABank hoặc tài sản bảo đảm không xác minh, không kê biên được để thi hành án thì anh B – chị Đ có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho SeABank đến khi tất toán khoản vay. SeABank được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại các tài sản và nguồn thu khác của anh B – chị Đ để thu hồi nợ.

Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh B và chị Đ nhưng các đương sự không đến Tòa án làm việc. Ngày 19/7/2024, chị Đ giao nộp cho Tòa án Đơn giải trình của anh B. Đơn có nội dung: Vào tháng 5/2021 anh có quen chị Dịu (lúc đó đang mở văn phòng tài chính ở đường Bắc Nam, thị trấn Q). Chị Dịu nhờ anh đứng tên giúp để mua trả góp xe ô tô. Đến tháng 6/2021 chị Dịu gọi anh ra Ngân hàng TMCP Đ để ký hợp đồng vay trả góp mua xe ô tô. Sau này chị Dịu và ngân hàng đi mua ô tô, ai đã sử dụng xe ô tô đó thì anh không biết. Sau 1 tháng, có cán bộ ngân hàng gọi cho anh ra ký nhận lấy đăng ký xe và ngân hàng đã giữ lại đăng ký. Chị Dịu có chuyển cho anh số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) như đã hứa. Chị Dịu có trả lãi cho ngân hàng vì ngân hàng nhấn tin cho anh. Vài tháng sau thì chị Dịu không trả lãi, ngân hàng gọi anh đến tư vấn cho anh viết đơn trình báo mất xe. Anh có hỏi chị Dịu thì chị Dịu nói đang khó khăn do dịch bệnh Covid 19 nên chậm trả lãi 1-2 tháng rồi sẽ trả tiếp. Vì thế, anh không trình báo sự việc đến cơ quan có thẩm quyền. Hiện do công việc kinh doanh tê liệt dẫn đến nợ nần nên anh phải đi làm ăn xa. Anh mong Tòa án xem xét sự việc và việc anh đứng tên hộ chị Dịu vay tiền để mua ô tô, xem xét hành vi của chị Dịu có phải là hành vi lạm dụng tín nhiệm để chiếm đoạt hay lừa đảo hay không, để anh lấy lại chiếc xe ô tô mà anh đã đứng tên và trả cho ngân hàng.

Ngoài văn bản này, anh B – chị Đ không đến Tòa án làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến nội dung vụ án.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án:

1. Buộc anh B – chị Đ phải trả cho SeABank số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ nói trên tạm tính đến ngày 30/9/2024, như sau:

+ Nợ theo Hợp đồng tín dụng: Nợ gốc 3.278.569.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 934.219.333 đồng; Nợ lãi quá hạn 529.931.745 đồng. Tổng là 4.742.720.078 đồng.

+ Nợ theo thẻ tín dụng: Nợ gốc 5.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 21.622đồng; Nợ lãi quá hạn 6.355.227 đồng. Tổng là 11.376.849 đồng.

2. Buộc anh B – chị Đ tiếp tục phải trả lãi phát sinh trên dư nợ còn lại kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng trên.

3. Trường hợp anh B – chị Đ không trả được nợ thì SeABank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm của khoản vay như đã nêu, để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thông toán hết khoản nợ thì anh B – chị Đ vẫn phải trả hết nợ cho SeABank.

4. Anh B – chị Đ phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã theo đúng quy Đ của pháp luật. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bộ Luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh B – chị Đ phải trả SeABank số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/9/2024 cụ thể như đại diện ngân hàng trình bày tại phiên tòa. Anh B – chị Đ phải chịu lãi phát sinh từ ngày 01/10/2024 trên dư nợ chưa trả, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong HĐTD đã ký và phù hợp với quy Đ của pháp luật cho đến ngày trả hết nợ. Trường hợp anh B – chị Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị tuyên SeABank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm như đã nêu, để thu hồi nợ. Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì anh B – chị Đ vẫn phải trả hết nợ cho SeABank. Do bị đơn không có yêu cầu phản tố nên không xem xét và dành quyền khởi kiện cho các đương sự B vụ án khác nếu có yêu cầu theo quy Đ của pháp luật. Anh B – chị Đ phải chịu toàn bộ án phí theo quy Đ của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy Đ của pháp luật.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là anh Vũ Danh B và chị Hoàng Thị Đ hiện đăng ký thường trú tại Tổ dân phố Hoa Vô, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý là đúng quy Đ tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Vũ Danh B và chị Hoàng Thị Đ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và cả quá trình Tòa án

giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy Đ tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về nội dung và hiệu lực của Hợp đồng tín dụng:

Ngày 18/6/2021, vợ chồng ông Bùi Anh Cường – bà Tạ Thị Hồng đã ký Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF2115500179/HN7-VDB với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ- Chi nhánh Đại An, PGD Mỹ Đình để vay số tiền 3.400.000.000đ (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng), mục đích thanh toán tiền mua xe ô tô phục vụ đi lại với thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân là 18/6/2021. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 18/6/2028. Ngân hàng đã thực hiện giải ngân số tiền trên cho anh B – chị Đ thông qua phương thức chuyển khoản vào tài khoản số 001083450041 của Công ty cổ phần dịch vụ ô tô Hàng Xanh tại Ngân hàng HSBC – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài khoản vay trên, ngày 01/6/2021 SeABank còn chấp thuận cấp cho anh B – chị Đ 01 thẻ tín dụng loại thẻ SeALady Cashback, hạng thẻ Titanium với hạn mức 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Các chủ thẻ đã tự nguyện thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng theo hình thức, nội dung phù hợp với quy Đ tại Điều 385, 401 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 14 và 16 Điều 4, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017. Do đó, các Hợp đồng tín dụng nêu trên phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[2.2]. Về yêu cầu trả nợ gốc, lãi:

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh B – chị Đ đã trả được nợ gốc: 121.430.990 đồng, nợ lãi trong hạn: 56.099.154 đồng và nợ lãi quá hạn 1.695.173 đồng. Từ ngày 10/9/2021 anh B – chị Đ không thực hiện tiếp nghĩa vụ trả nợ, cũng không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ nên SeABank đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn và khởi kiện để thu hồi nợ trước hạn. Quá trình giải quyết vụ án, anh B – chị Đ đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không đến Tòa án làm việc. Chị Đ giao nộp cho Tòa án một Đơn giải trình ký tên “B, Vũ Danh B” nhưng không có tài liệu nào kèm theo để chứng minh các nội dung nêu trong đơn và chứng minh đơn này là do anh B ký.

Tại Hợp đồng tín dụng, các bên đã tự nguyện thỏa thuận cụ thể về lãi suất cho vay, cơ chế điều chỉnh lãi suất, phương thức giải ngân, kỳ trả nợ gốc lãi,..... Thỏa thuận này hoàn toàn phù hợp với quy Đ về lãi suất cho vay tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy Đ về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017; Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy Đ của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ bảng kê tính lãi của khoản vay, Hội đồng xét xử thấy: Mức lãi suất của khoản vay đã được SeABank

áp dụng, điều chỉnh đúng như đã thỏa thuận và không vượt quá quy Đ của pháp luật về lãi suất cho vay.

Do vậy, yêu cầu khởi kiện của SeABank về trả nợ gốc, nợ lãi như người đại diện trình bày tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Buộc vợ chồng anh B – chị Đ phải trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 4.754.096.927đ (Bốn tỷ, bảy trăm năm mươi tư triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi bảy đồng), cụ thể như sau:

+ Tổng dư nợ theo Hợp đồng tín dụng là 4.742.720.078 đ (Bốn tỷ bảy trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn không trăm bảy mươi tám đồng), gồm:

Nợ gốc: 3.278.569.000đ (Ba tỷ hai trăm bảy mươi tám triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Nợ lãi trong hạn: 934.219.333đ (Chín trăm ba mươi tư triệu hai trăm mười chín nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Nợ lãi quá hạn: 529.931.745đ (Năm trăm hai mươi chín triệu chín trăm ba mươi một nghìn bảy trăm bốn mươi lăm đồng).

+ Tổng dư nợ theo thẻ tín dụng là 11.376.849đ (Mười một triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng), gồm:

Nợ gốc: 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Nợ lãi trong hạn: 21.622đ (Hai mươi một nghìn sáu trăm hai mươi hai đồng).

Nợ lãi quá hạn: 6.355.227đ (Sáu triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm hai mươi bảy đồng).

Buộc vợ chồng anh B – chị Đ phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2024 đối với số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nói trên cho đến khi thanh toán hết nợ, nhưng phải phù hợp với quy Đ của pháp luật.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Đ thì lãi suất mà vợ chồng anh B – chị Đ phải tiếp tục thông toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo quyết Đ của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Đ.

[2.3] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Theo Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp nêu trên, anh B – chị Đ đồng ý thế chấp tài sản là: 01 xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES-BENZ biển kiểm soát: 30H-101.44, số loại S450, màu sơn trắng; số khung RLMUG6X3LV003213, số máy: 27682431121416; Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 094900 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 18/6/2021, chủ xe là anh Vũ Danh B. Các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng thế chấp có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Việc thế chấp đã được các bên đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội

ngày 18/6/2021 là hoàn toàn phù hợp theo quy Đ tại Điều 295 và 298 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, Hợp đồng thế chấp phát sinh hiệu lực và có giá trị pháp lý đối với các bên kể từ thời điểm đăng ký biện pháp bảo đảm.

Từ ngày 10/9/2021, anh B – chị Đ không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho SeABank nên toàn bộ khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Khi khoản vay bị quá hạn, SeABank đã thông báo cho anh B – chị Đ biết và yêu cầu thanh toán nợ nhưng đến nay anh chị vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu của SeABank về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp khi bản án có hiệu lực pháp luật mà anh B – chị Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy Đ tại Điều 299 Bộ luật Dân sự 2015.

[3]. Về án phí: Anh B – chị Đ phải chịu toàn bộ 112.754.000đ (Một trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) chi phí tố tụng. Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT Đ:

Xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 295, 298, 299, 385, 401 và 466 Bộ Luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 4, 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2017.

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy Đ về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ Nghị Đ 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ Quy Đ thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy Đ của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ đối với anh Vũ Danh B và chị Hoàng Thị Đ.

2. Buộc anh Vũ Danh B và chị Hoàng Thị Đ phải trả Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 4.754.096.927đ (Bốn tỷ, bảy trăm năm mươi tư triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm hai mươi bảy đồng), cụ thể như sau:

2.1. Tổng dư nợ theo Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF2115500179/HN7-VDB ngày 18/6/2021 là 4.742.720.078 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm bốn mươi hai triệu, bảy trăm hai mươi nghìn, không trăm bảy mươi tám đồng), gồm:

- Nợ gốc: 3.278.569.000 đồng (Ba tỷ, hai trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

- Nợ lãi trong hạn: 934.219.333 đồng (Chín trăm ba mươi tư triệu, hai trăm mười chín nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng).

- Nợ lãi quá hạn: 529.931.745 đồng (Năm trăm hai mươi chín triệu, chín trăm ba mươi một nghìn, bảy trăm bốn mươi lăm đồng).

2.2. Tổng dư nợ theo Đơn đề nghị vay vốn và Đề nghị kiêm hợp đồng hạn mức, phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế dành cho khách hàng cá nhân ký ngày 01/6/2021 là 11.376.849 đồng (Mười một triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng), gồm:

- Nợ gốc: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Nợ lãi trong hạn: 21.622 đồng (Hai mươi một nghìn, sáu trăm hai mươi hai đồng).

- Nợ lãi quá hạn: 6.355.227 đồng (Sáu triệu, ba trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm hai mươi bảy đồng).

3. Buộc anh Vũ Danh B và chị Hoàng Thị Đ phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 01/10/2024 đối với số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF2115500179/HN7-VDB ngày 18/6/2021, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy Đ của pháp luật.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Đ thì lãi suất mà anh Vũ Danh B và chị Hoàng Thị Đ phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ theo quyết Đ của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Đ.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp anh Vũ Danh B và chị Hoàng Thị Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng cho vay kiêm Hợp đồng thế chấp xe ô tô số REF2115500179/HN7-VDB ngày 18/6/2021, để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm đã được các bên đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội ngày 18/6/2021.

5. Về án phí:

- Anh Vũ Danh B và chị Hoàng Thị Đ phải chịu toàn bộ 112.754.000đ (Một trăm mười hai triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) chi phí tố tụng.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy Đ.

9

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS H. Q;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ VA; VPTA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Thị Thúy

